

Bản án số: 02/2018/HCPT

Ngày: 05 - 4 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Như Hiền

Các Thẩm phán: Ông Dương Thế Vinh

Ông Ong Thân Thắng

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Hoàng Đức Trình - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 07/2017/TLPT-HC ngày 04 tháng 12 năm 2017 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính và yêu cầu bồi thường về tài sản*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HCST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐ-PT ngày 31 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Ông Trần Văn Đ1, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn BG, xã NP, huyện LN, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

- ***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:*** là ông Nguyễn Anh T1-Luật sư công ty trách nhiệm hữu hạn ĐN thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 25 đường HTK, quận HĐ, TP Hà Nội.

- ***Người bị kiện:*** UBND huyện LN, tỉnh Bắc Giang, do ông Giáp Văn O1, Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện LN đại diện theo ủy quyền (vắng mặt).

- ***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:*** Ông Vũ Công Đ2, phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện LN (Vắng mặt).

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn BG, xã NP, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Do Ông Trần Văn Đ1 đại diện theo ủy quyền (bà T1 vắng mặt, ông Đ1 có mặt).

Người kháng cáo: Người khởi kiện Ông Trần Văn Đ1

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HCST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ kiện như sau:

1. Tại đơn khởi kiện ghi ngày 19/11/2013, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện Ông Trần Văn Đ1 trình bày:

Theo giấy chứng nhận QSDĐ ngày 11/12/2000, UBND huyện LN đã cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho gia đình ông được sử dụng 1208m² đất ở lâu dài tại Thôn BG, xã NP, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Đến năm 2011 nhà nước có nâng cấp đường tỉnh lộ 293. Ngày 12/11/2012 UBND huyện LN đã ra quyết định số 1213 về việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng đã thu hồi của gia đình ông 197,6m² đất, diện tích đất này của gia đình ông sử dụng từ năm 1975 cùng với diện tích đất 1208m² mà gia đình ông đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ năm 2000. Diện tích đất thu hồi không nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ. Ngoài ra còn thu hồi của gia đình ông 40,4m² đất ở, diện tích đất này mặc dù không nằm trong tổng diện tích đất 622,3m² của gia đình ông được UBND huyện LN cấp giấy chứng nhận QSDĐ năm 2017 nhưng diện tích đất thu hồi này gia đình ông đã mua của Thôn BG, xã NP năm 1994 cùng với diện tích được UBND huyện LN cấp giấy chứng nhận QSDĐ năm 2017 cho gia đình ông. Trong quá trình sử dụng đất, gia đình ông đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước, không chuyển nhượng, sang tên cho ai. Việc UBND huyện LN cấp giấy chứng nhận QSDĐ trên cho gia đình ông, gia đình ông không có thắc mắc hay khiếu kiện, khiếu nại gì. Sau khi UBND huyện LN ban hành quyết định thu hồi đất, gia đình ông có biết được quyết định số 1213 ngày 12/11/2012 của UBND huyện Lục Nam. Sau khi UBND huyện LN thu hồi toàn bộ diện tích đất trên có bồi thường giá trị tài sản trên đất ông không có thắc mắc gì, còn diện tích đất không được bồi thường trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện bồi thường theo giá 1.500.000đ/1m². Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông thay đổi yêu cầu, ông không yêu cầu UBND huyện bồi thường theo giá 1.500.000đ/1m² đất nữa, ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện LN buộc UBND huyện LN bồi thường đối với diện tích của gia đình ông bị thu hồi theo khung giá quy định của pháp luật với tổng diện tích đất bị thu hồi là 238m² và giữ nguyên yêu cầu Tòa án xem xét hủy một phần quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND huyện LN.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông vẫn giữ nguyên yêu cầu trên, ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện LN không đưa các con ông là: Trần Văn Điệp, Trần Văn Đạt vào tham gia tố tụng trong vụ án vì các con ông không liên quan đến việc khiếu kiện quyết định hành chính của vợ chồng ông.

2. UBND huyện LN, tỉnh Bắc Giang do ông Giáp Văn O1-Phó chủ tịch UBND huyện LN đại diện theo ủy quyền trình bày: Toàn bộ diện tích đất của gia đình Ông Trần Văn Đ1 thuộc hành lang giao thông tỉnh lộ 293 đã được ghi rõ trong giấy chứng nhận QSDĐ nên UBND huyện LN đã thu hồi chung và không giao cho hộ gia đình.

Về yêu cầu của Ông Trần Văn Đ1 đề nghị bồi thường đối với tổng diện tích 238m² đất bị thu hồi ở Thôn BG, xã NP theo khung giá 1.500.000đ/1m² và đề nghị hủy một phần quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND huyện LN. Ông không đồng ý vì toàn bộ diện tích đất bị thu hồi của hộ ông Đ1 nằm hoàn toàn trong hành lang an toàn giao thông đường tỉnh lộ 293 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy hoạch từ năm 1982 của Hội đồng bộ trưởng. Đến năm 1983 UBND tỉnh Hà Bắc nay là tỉnh Bắc Giang đã ban hành chỉ thị số 13 về việc thực hiện nghị quyết, nghị định đối với quốc lộ, tỉnh lộ trên địa bàn tỉnh, trong đó có đường tỉnh lộ 293. Đến năm 1995 cơ quan nhà nước có thẩm quyền bắt đầu tiến hành cấm mốc lộ giới con đường 193. Việc thực hiện này do công ty quản lý đường bộ thuộc sở giao thông Bắc Giang thực hiện. Trên cơ sở đó UBND huyện đã yêu cầu UBND các xã có đất bị thu hồi thông báo đến các hộ gia đình trên phương tiện thông tin để các cá nhân, tổ chức và các hộ gia đình nắm được.

- Đối chiếu với các quy định nêu trên, hộ Ông Trần Văn Đ1 tại Thôn BG, tại thửa 61, tờ bản đồ trích đo hiện trạng phục vụ GPMB số 14 có tổng diện tích trích đo cả thửa là 1128,9m². Phần diện tích thực hiện dự án là 197,6m² nằm hoàn toàn trong hành lang an toàn giao thông đường bộ, không đủ điều kiện được bồi thường, không nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp. Tại thửa số 06 tờ bản đồ trích đo cả thửa đất đủ theo diện tích nhà ông Đ1 sử dụng hợp pháp, phần diện tích thực hiện dự án là 40,4m², nằm hoàn toàn trong hành lang an toàn giao thông đường bộ, không đủ điều kiện được bồi thường.

Căn cứ khoản 1 Điều 42, Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 8 nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định: Đối với phần diện tích đất không nằm trong GCNQSDĐ của hộ gia đình, cá nhân, khi nhà nước thu hồi đất sẽ không được bồi thường về đất; Căn cứ khoản 1 Điều 43 Luật đất đai năm 2003, Điều 7 của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, mục 2 Công văn số 3061/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 28/09/2009 của Bộ tài nguyên và môi trường, mục 1 Công văn số 1071/TNMT-KHTC ngày 18/11/2011 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang quy định: Đối với diện tích đất trong hành lang an toàn đường bộ đã được giải tỏa và đã được quản lý thì không được bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất; Điều 30; Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP; Điều 16 Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Vì vậy, Quyết định thu hồi đất số 1207/QĐ-UBND ngày 09/11/2012 của UBND huyện LN và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND huyện LN được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự và thủ tục pháp luật đã quy định. Cũng vì vậy, việc người khởi kiện yêu cầu bồi thường đối với diện tích đất nêu trên là không có cơ sở nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Do công việc bận ông xin được vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, phiên đối thoại và phiên tòa xét xử vụ án.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị T1 do Ông Trần Văn Đ1 đại diện theo ủy quyền trình bày: Đề nghị Tòa án tuyên hủy một phần Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND huyện LN, yêu cầu UBND huyện LN bồi thường cho vợ chồng ông, bà diện tích đất bị thu hồi là 238m² theo giá quy định của nhà nước.

4. *Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ông Trần Văn Đ1:* Hộ gia đình Ông Trần Văn Đ1 sử dụng phần đất 197,6m² hợp pháp từ năm 1975. Còn diện tích đất 40,4m² hộ gia đình Ông Trần Văn Đ1 được địa phương, cụ thể Thôn BG, xã NP bán cho gia đình ông Đ1 từ năm 1994. Kể từ khi được giao quyền sử dụng đất hộ ông Đ1 sử dụng ổn định, không có tranh chấp bà thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước. Do vậy, việc UBND huyện LN không ban hành Quyết định thu hồi đất với hộ ông Đ1 và quá trình thu hồi đất không làm đúng quy định, không thông báo công khai cho người bị thu hồi đất, không tiến hành bồi thường đối với tổng diện tích đất 238m² đất của gia đình ông Đ1 là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX hủy một phần Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND huyện LN và yêu cầu UBND huyện LN ban hành Quyết định bổ sung, bồi thường đối với diện tích 238m² của gia đình ông Đ1 theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; khoản 4 Điều 4, Điều 14 và Điều 44 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Điều 14 và Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/08/2009 của Chính phủ.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HCST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang đã quyết định, áp dụng: các Điều 29; 30; 31; 158; 193; 194; 204 và Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 42, khoản 1 Điều 43, Điều 44 Luật Đất đai năm 2003 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 7, khoản 1 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; khoản 1, khoản 2 Điều 14; Điều 30; Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/08/2009 của Chính phủ.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Văn Đ1 về việc đề nghị hủy một phần Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND huyện LN, tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt chi tiết phương án bồi thường giải phóng mặt bằng và việc yêu cầu bồi thường của Ông Trần Văn Đ1 đối với diện tích 238m² đất ở theo giá quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 05/10/2017, người khởi kiện là Ông Trần Văn Đ1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 03/2017/HCST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang đề nghị TAND tỉnh Bắc Giang hủy bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút yêu cầu khởi kiện, không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Nguyễn Anh T1 trình bày:* Hộ gia đình Ông Trần Văn Đ1 sử dụng phần đất

197,6m² hợp pháp từ năm 1975. Sử dụng ổn định, lâu dài, không tranh chấp với ai và đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ nên khi nhà nước thu hồi thì nhà nước phải đền bù theo quy định của pháp luật. Còn diện tích đất 40,4m² hộ gia đình Ông Trần Văn Đ1 được địa phương, cụ thể Thôn BG, xã NP bán cho gia đình ông Đ1 từ năm 1994. Kể từ khi được giao quyền sử dụng đất hộ ông Đ1 sử dụng ổn định, không có tranh chấp và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước. Do vậy, việc UBND huyện LN không ban hành Quyết định thu hồi đất đối với hộ ông Đ1 và quá trình thu hồi đất không làm đúng quy định, không thông báo công khai cho người bị thu hồi đất, không tiến hành bồi thường đối với tổng diện tích đất 238m² đất của gia đình ông Đ1 là không đúng quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm của TAND huyện LN bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đ1 là không có căn cứ. Đề nghị HĐXX hủy một phần Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND huyện LN và yêu cầu UBND huyện LN ban hành Quyết định bổ sung, bồi thường đối với diện tích 238m² của gia đình ông Đ1 theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; khoản 4 Điều 4, Điều 14 và Điều 44 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ; Điều 14 và Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/08/2009 của Chính phủ. Bản án sơ thẩm chấp nhận ý kiến của phía Ủy ban bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện là không có căn cứ.

- Ông Trần Văn Đ1 trình bày: Ông nhất trí ý kiến Luật sư và không có bổ sung gì thêm.

- UBND huyện LN, tỉnh Bắc Giang do ông Giáp Văn O1-Phó chủ tịch UBND huyện LN đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt có ý kiến: Giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm, đồng ý với bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án Lục Nam đã xử, không đồng ý với kháng cáo của người khởi kiện. Toàn bộ diện tích đất của gia đình Ông Trần Văn Đ1 thuộc hành lang giao thông tỉnh lộ 293 đã được ghi rõ trong giấy chứng nhận QSDĐ nên UBND huyện LN đã thu hồi chung và không giao cho hộ gia đình.

Về yêu cầu của Ông Trần Văn Đ1 đề nghị bồi thường đối với tổng diện tích 238m² đất bị thu hồi ở Thôn BG, xã NP theo khung giá 1.500.000đ/1m² và đề nghị hủy một phần quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND huyện LN. Ông không đồng ý vì toàn bộ diện tích đất bị thu hồi của hộ ông Đ1 nằm hoàn toàn trong hành lang an toàn giao thông đường tỉnh lộ 293 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy hoạch từ năm 1982 của Hội đồng bộ trưởng. Đến năm 1983 UBND tỉnh Hà Bắc nay là tỉnh Bắc Giang đã ban hành chỉ thị số 13 về việc thực hiện nghị quyết, nghị định đối với quốc lộ, tỉnh lộ trên địa bàn tỉnh, trong đó có đường tỉnh lộ 293. Đến năm 1995 cơ quan nhà nước có thẩm quyền bắt đầu tiến hành cấm mốc lộ giới con đường 193. Việc thực hiện này do công ty quản lý đường bộ thuộc sở giao thông Bắc Giang thực hiện. Trên cơ sở đó UBND huyện đã yêu cầu UBND các xã có đất bị thu hồi thông báo đến các hộ gia đình trên phương tiện thông tin để các cá nhân, tổ chức và các hộ gia đình nắm được.

- Đối chiếu với các quy định nêu trên, hộ Ông Trần Văn Đ1 có diện tích đất tại thửa 61, tờ bản đồ trích đo hiện trạng phục vụ GPMB số 14 có tổng diện tích trích đo cả thửa là 1128,9m². Phần diện tích thực hiện dự án là 197,6m² nằm hoàn

toàn trong hành lang an toàn giao thông đường bộ, không đủ điều kiện được bồi thường, không nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ đã cấp. Tại thửa số 06 tờ bản đồ trích đo cả thửa đất đủ theo diện tích nhà ông Đ1 sử dụng hợp pháp, phần diện tích thực hiện dự án là 40,4m², nằm hoàn toàn trong hành lang an toàn giao thông đường bộ, không đủ điều kiện được bồi thường.

Căn cứ khoản 1 Điều 42, Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 8 nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định: Đối với phần diện tích đất không nằm trong GCNQSDĐ của hộ gia đình, cá nhân, khi nhà nước thu hồi đất sẽ không được bồi thường về đất; Căn cứ khoản 1 Điều 43 Luật đất đai năm 2003, Điều 7 của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, mục 2 Công văn số 3061/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 28/09/2009 của Bộ tài nguyên và môi trường, mục 1 Công văn số 1071/TNMT-KHTC ngày 18/11/2011 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang quy định: Đối với diện tích đất trong hành lang an toàn đường bộ đã được giải tỏa và đã được quản lý thì không được bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất; Điều 30; Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP; Điều 16 Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Vì vậy, Quyết định thu hồi đất số 1207/QĐ-UBND ngày 09/11/2012 của UBND huyện LN và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND huyện LN được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự và thủ tục pháp luật đã quy định. Cũng vì vậy, việc người khởi kiện yêu cầu bồi thường đối với diện tích đất nêu trên là không có cơ sở nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thư ký, thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Người khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện vắng mặt không có lý do là không chấp hành đúng quy định của pháp luật, ý thức pháp luật kém.

Án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Văn Đ1 là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại giai đoạn phúc thẩm, Ông Giáp Văn O1 là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện LN có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và xin giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Do vậy, HĐXX phúc thẩm tiến hành phiên tòa theo quy định tại Điều 158 của Luật tố tụng hành chính.

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

* Về thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ghi ngày 30/10/2013 của Ông Trần Văn Đ1 đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết hủy một phần Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND huyện LN và yêu cầu UBND huyện LN ban hành Quyết định bổ sung, bồi thường đối với diện tích 238m² của gia đình ông Đ1 theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 28, Điều 29, Điều 103, Điều 104, Điều 105 Luật tố tụng hành chính 2010 và khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật tố tụng hành chính” thì việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và đưa ra xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính tại thời điểm giải quyết.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Xét kháng cáo của người khởi kiện thấy rằng:

* Xét tính hợp pháp quyết định 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND huyện LN:

- Về thẩm quyền ban hành quyết định: UBND huyện LN ban hành Quyết định 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường GPMB Công trình cải tạo, nâng cấp ĐT 293 (đợt 2) địa phận xã NP, huyện LN đúng quy định tại Điều 42 Luật đất đai năm 2003.

- Về trình tự, thủ tục và căn cứ ban hành quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND huyện LN:

Trước khi ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường thì UBND huyện đã tiến hành triển khai tổ chức thực hiện thông báo thu hồi đất; họp triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng ĐTT 293 tại UBND xã NP; họp phổ biến chế độ chính sách khi Nhà nước thu hồi đất cho các có đất, tài sản trên đất bị thu hồi tại Thôn BG; tổ chức cho hộ gia đình, cá nhân tự kê khai; tiến hành kiểm kê hiện trạng về đất, tài sản hoa màu trên đất của hộ gia đình; lập phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và công khai lấy ý kiến nhân dân về phương án tại nhà văn hóa các thôn, UBND xã; kết thúc công khai tiến hành giải quyết các nội dung kiến nghị của nhân dân theo đơn, tiếp thu các kiến nghị đúng, hợp lý và điều chỉnh phương án trình Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện thẩm định hồ sơ thu hồi đất, phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Đã công khai quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại UBND xã và Nhà văn hóa thôn liên quan; đã trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được phê duyệt. Do vậy việc ban hành Quyết định thu hồi đất số 1207/QĐ-UBND ngày 09/11/2012 của UBND huyện LN và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND huyện LN là đúng theo quy định tại Điều 44 Luật đất đai năm 2003.

* Về yêu cầu bồi thường về tài sản của Ông Trần Văn Đ1:

- Diện tích 1208m² đất của gia đình Ông Trần Văn Đ1 được UBND huyện LN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/12/2000 được sử dụng 1208m². Tại giấy chứng nhận trên thể hiện rõ thửa đất có các cạnh trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Diện tích 622,3m² đất của gia đình Ông Trần Văn Đ1 được UBND huyện LN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/01/2017 được sử dụng 622,3m². Tại giấy chứng nhận trên thể hiện rõ thửa đất có các cạnh trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc ngày 25/07/2017 thì toàn bộ diện tích đất của gia đình Ông Trần Văn Đ1 được UBND huyện LN cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 11/12/2000 và diện tích đất được UBND huyện LN cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 04/01/2017. Toàn bộ diện tích đất được cấp trên ông Đ1 sử dụng ổn định không có ý kiến gì. Tại phiên tòa ông Đ1 thừa nhận toàn bộ diện tích đất 238m² UBND huyện LN thu hồi của gia đình ông không nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ, nằm hoàn toàn ngoài giấy chứng nhận QSDĐ và cho rằng tổng số diện tích đất bị thu hồi trên gia đình ông sử dụng ổn định từ năm 1975 và đến năm 1994 gia đình ông mua của Thôn BG, xã NP nên đã sử dụng hợp pháp ổn định từ đó, hàng năm vẫn đóng thuế đất cho nhà nước. Nhưng ông Đ1 không có tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án để chứng minh sự việc trên. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông thừa nhận việc UBND huyện LN cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông là đúng pháp luật. Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông không có thắc mắc hay khiếu nại, khiếu kiện gì đến cơ quan có thẩm quyền và hiện nay ông vẫn đang sử dụng số diện tích đất trên. Quá trình ông sử dụng diện tích đất trên đều có ý thức và nắm bắt được chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước quy định về hành lang giao thông đường bộ đã được cắm mốc giới, đã được thông báo và phổ biến trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

- Đối với quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1054/QĐ – UBND ngày 30/6/2014 của UBND huyện LN về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00029/QSDĐ/QĐ cấp ngày 11/12/2000 cho gia đình Ông Trần Văn Đ1 đã được giải quyết tại bản án số 01/2016/HC – ST ngày 30/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang có hiệu lực pháp luật nên không cần xem xét tính hợp pháp của quyết định số 1054/QĐ – UBND ngày 30/6/2014 của UBND huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Như vậy trình tự, thủ tục và thẩm quyền UBND huyện LN đã ban hành các Quyết định trên là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời việc UBND huyện LN không thực hiện bồi thường diện tích 238m² đất ở đối với gia đình Ông Trần Văn Đ1 và không bồi thường tiền đối với diện tích đất đã được bồi thường là đúng quy định tại khoản 1, Điều 42 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định: Đối với phần diện tích đất không nằm trong GCNQSDĐ của hộ gia đình, cá nhân, khi nhà nước thu hồi sẽ không được bồi thường về đất; Căn cứ khoản 1 Điều 43 Luật đất đai năm 2003, Điều 7 của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, mục 2 công văn số 3061/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 28/9/2009 của Bộ tài nguyên và

môi trường, mục 1 Công văn số 1071/TNMT-KHTC ngày 18/11/2011 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang quy định: Đối với diện tích đất trong hành lang an toàn đường bộ đã được giải tỏa và đã được quản lý thì không được bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất; Điều 30, Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP; Điều 16 Quyết định số 36/2011/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang. Việc tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh gì thêm mới cho yêu cầu trên. Do vậy, việc Ông Trần Văn Đ1 khởi kiện và kháng cáo như trên là không có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ quy định của Luật tố tụng hành chính, căn cứ vào tài liệu chứng cứ lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, xét xử vụ án và ra bản án, quyết định như đã tuyên là có căn cứ.

Ông Trần Văn Đ1 kháng cáo nhưng không đưa ra được căn cứ, do đó không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần bác kháng cáo của ông Đ1.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Ông Trần Văn Đ1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 191, Điều 241, khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015;

1. Áp dụng khoản 1 Điều 42, khoản 1 Điều 43, Điều 44 Luật Đất đai năm 2003 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 7, khoản 1 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; khoản 1, khoản 2 Điều 14; Điều 30; Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/08/2009 của Chính phủ; khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 34, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của Ông Trần Văn Đ1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2017/HCST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang, Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Đ1 về việc đề nghị hủy một phần Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND huyện LN và yêu cầu UBND huyện LN ban hành Quyết định bổ sung, bồi thường đối với diện tích 238m² của gia đình ông Đ1 theo quy định của pháp luật

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Văn Đ1 phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2010/008812 ngày 17/6/2014 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

Ông Trần Văn Đ1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận ông Đ1 đã nộp đủ tiền án phí tại biên lai thu số AA/2017/0002698 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TA, VKS, CCTHADS huyện LN;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Lưu: HS, THC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Như Hiền